

Quỳnh Lưu, ngày 18 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hồ Đạt Nghiệm.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên họp:

Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 09/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 12/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019.

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Trương Thị L, sinh năm 1978 - Có mặt;

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1976 - Có mặt;

3. Chị Hồ Thị M, sinh năm 1980 (Vợ anh H) - Có mặt

Cùng cư trú: Xóm 12, xã G, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ngày 18/01/2019, chị Trương Thị L và vợ chồng anh Nguyễn Xuân H, chị Hồ Thị M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án với nội dung: Vợ chồng anh Nguyễn Xuân H, chị Hồ Thị M trả nợ cho chị Trương Thị L số tiền vay 05 lần trong năm 2018 là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, theo quy định tại khoản 7 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Trong năm 2018, vợ chồng anh Nguyễn Xuân H, chị Hồ Thị M có 05 lần vay của chị Trương Thị L tổng cộng số tiền là 2.350.000.000đ (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

Cụ thể:

- Ngày 01/02/2018 (Âm lịch), chị M vay 600.000.000đ;
- Ngày 08/02/2018 (Âm lịch), chị M vay 650.000.000đ;
- Ngày 09/3/2018 (Âm lịch) chị M vay 250.000.000đ;
- Ngày 08/4/2018 (Âm lịch), chị M vay 500.000.000đ;
- Ngày 09/4/2018 (Âm lịch), anh H vay 350.000.000đ.

Ngày 30/4/2018, chị M đã trả cho chị L số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Nay vợ chồng anh Nguyễn Xuân H, chị Hồ Thị M còn nợ chị Trương Thị L số tiền 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng).

Chị L yêu cầu vợ chồng anh H, chị M trả đủ số tiền nợ gốc còn thiếu là 2.300.000.000 đồng; không yêu cầu vợ chồng anh H, chị M trả tiền lãi suất.

Vợ chồng anh H, chị M đều thừa nhận còn nợ chị L số tiền 2.300.000.000 đồng. Chị L đã đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng anh H, chị M gặp nhiều khó khăn, làm ăn thua lỗ nên chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, vợ chồng anh H, chị M đề nghị chị L cho vợ chồng anh H, chị M miễn trả số nợ gốc 1.200.000.000 đồng và xin được trả cho chị L số tiền 1.100.000.000 đồng trong số nợ 2.300.000.000 đồng.

Theo biên bản hòa giải thành được lập ngày 18 tháng 01 năm 2019 do H giải viên bà Hoàng Thị Nhân của Trung tâm hòa giải, đối thoại đặt tại Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, thì vợ chồng anh Nguyễn Xuân H, chị Hồ Thị M và chị Trương Thị L thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng anh Nguyễn Xuân H, chị Hồ Thị M trả cho chị Trương Thị L số tiền vay 05 lần trong năm 2018 là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng). Chị Trương Thị L không yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Xuân H, chị Hồ Thị M trả tiền lãi suất.

Xét thấy: Nội dung thỏa thuận ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2019 của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước và người thứ ba, nên được Tòa án chấp nhận.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu đề nghị Tòa án áp dụng Điều 416, Điều 417 và Điều 419 BLTTDS; Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu của đương sự. Công nhận kết quả H thành ngoài Tòa án cụ thể như sau: Vợ chồng anh Nguyễn Xuân H, chị Hồ Thị M trả nợ cho chị Trương Thị L số tiền nợ gốc vay 05 lần trong năm 2018 là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng). Về lệ phí: Áp dụng Điều 149 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; buộc người yêu cầu phải chịu lệ phí theo quy định.

[3]. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Người yêu cầu chị Trương Thị L thỏa thuận chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 27; các Điều 149, 416, 417, 418 và Điều 419 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 và Điều 470 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 09/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2019, cụ thể như sau:

Vợ chồng Anh Nguyễn Xuân H, chị Hồ Thị M có nghĩa vụ trả nợ chị Trương Thị L số tiền vay 05 lần trong năm 2018 là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Trương Thị L chịu cả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0004693 ngày 23/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- Lưu: VP, Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Hồ Đạt Nghiệm

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”.

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng..... năm.....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ
TỌA PHIÊN HỢP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"